

PHỤ LỤC: BÁO CÁO MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG XÃ BA VÌ

TT	Lý trình		Tổng chiều dài (m)	Chiều dài đã đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa, đi lại ô tô (m)	Chiều dài đường xã chưa nhựa hóa, bê tông hóa, đi lại ô tô (m)	Tỷ lệ đường xã đã được nhựa hóa, bê tông hóa, đi lại ô tô (%)	Ghi chú
	Từ (Km) đến (Km)						
	Đường xã		34.157	24.487	9.670	72	
1	ĐX. Đường Ba Vi – Ba Xa (ĐH.67C)		4.200	3.990	210	95	
2	ĐX. Gò_Vành - ĐH.67C đi tổ Nước Trét		1.519	1.291	228	85	
3	ĐX. Giá_Vực - Gò_Vành		1.127	1.071	56	95	
4	ĐX. Giá_Vực - UB xã đi cầu treo		209	136	73	65	
5	ĐX. Mang_Đen - cầu treo đi Ka Diêu		2.542	1.907	636	75	
6	ĐX. Từ cầu treo - đến cầu Nước Vai thôn Nước Ui		2.677	1.687	990	63	
7	ĐX. Tuyến QL24 đi thôn Nước Tia		2.349	1.644	705	70	
8	ĐX. Tuyến QL24 (lò rèn) đi thôn Nước Tia		466	373	93	80	
9	ĐX. Tuyến QL24 đi Mang Biều		2.551	2.041	510	80	
10	ĐX. Từ QL24 (thôn Làng Trui) - Tổ 3 thôn Mang Biều		3.458	2.075	1.383	60	
11	ĐX. Từ QL24 đi Làng Lũy		306	122	184	40	
12	ĐX. Tuyến QL24 đi thôn Krây		2.722	1.633	1.089	60	
13	ĐX. Tuyến từ thôn Krên đi thôn Ba Lãng		4.183	2.510	1.673	60	
14	ĐX. Tuyến QL24 đi tổ 4 thôn Ba Lãng		754	452	302	60	
15	ĐX Tuyến QL24 đi tổ 2 thôn Ba Lãng		844	338	506	40	
16	ĐX. Tuyến thôn Tà Noát đi thôn Ba Lãng		1.592	955	637	60	
17	ĐX. Tuyến QL24 đi tổ 4 thôn Tà Noát		1.292	1.034	258	80	
18	ĐX. QL24 đi suối Nước Lầy		1.366	1.229	137	90	